

Trường Windmill Springs

2022 Phiếu báo cáo trách nhiệm của nhà trường



Thông tin chung về Phiếu báo cáo trách nhiệm của nhà trường (SARC)

Tổng quan



Theo luật tiểu bang, trước ngày 1 tháng Hai hàng năm, tất cả trường học ở California đều phải công bố Phiếu Báo cáo Trách nhiệm Giải trình của Trường học (SARC). SARC có thông tin về tình trạng và kết quả hoạt động của mỗi trường công lập tại tiểu bang California. Theo Công thức Tài trợ cho việc Kiểm soát tại Địa phương (LCFF), tất cả các Cơ quan Giáo dục Địa phương (LEA) phải chuẩn bị một Kế hoạch Kiểm soát và Trách nhiệm Giải trình tại Địa phương (LCAP) mô tả phương thức để các trường đạt được các mục tiêu dự định hàng năm cụ thể cho tất cả các học sinh, với các hoạt động cụ thể nhằm giải quyết các ưu tiên của địa phương và tiểu bang. Ngoài ra, dữ liệu được báo cáo trong LCAP phải nhất quán với dữ liệu được báo cáo trong SARC.

Để biết thêm thông tin về các yêu cầu của SARC và xem các báo cáo của năm trước, vui lòng truy cập trang web của Sở Giáo Dục California (California Department of Education – CDE) tại <https://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/>.

Để biết thêm thông tin về LCFF hoặc LCAP, xem Trang Mạng về LCFF của CDE <https://www.cde.ca.gov/fg/aa/lc/>

Để biết thêm thông tin về trường, phụ huynh/người giám hộ và cư dân trong cộng đồng có thể liên lạc với hiệu trưởng hoặc văn phòng học khu.

DataQuest



DataQuest là một công cụ trực tuyến trên DataQuest của CDE tại <https://dq.cde.ca.gov/dataquest/> có thông tin bổ sung về trường học này và dữ liệu so sánh trường với học khu và quận. trang Web Cụ thể thì DataQuest là một hệ thống năng động cung cấp báo cáo về giải trình trách nhiệm (ví dụ: dữ liệu kiểm tra, học sinh ghi danh, tỷ lệ tốt nghiệp trung học, tỷ lệ bỏ học, học sinh ghi danh khóa học, nhân sự, và dữ liệu về người học tiếng Anh).

Bảng Thông Tin Khỏi Trường Học tại California



Bảng Thông Tin Khỏi Trường Học tại California (Bảng Thông Tin) <https://www.caschooldashboard.org/> nêu chi tiết về trách nhiệm và chủ trương không ngừng cải thiện chất lượng đồng thời cung cấp các thông tin về cách thức mà các LEA và các trường đáp ứng được nhu cầu của tất cả học viên. Bảng Thông Tin có cả các báo cáo về hiệu quả hoạt động của các LEA, các trường và các nhóm học viên dựa trên các tham số cấp địa phương và cấp tiểu bang nhằm hỗ trợ nhận biết các điểm mạnh, thách thức và điểm yếu cần khắc phục.

Truy cập Internet

Truy cập Internet sẵn có tại các thư viện công cộng và các địa điểm khác mở cửa cho công chúng (ví dụ: Thư viện Tiểu bang California). Truy cập Internet tại thư viện và nơi công cộng thường được cung cấp theo quy tắc người tới trước dùng trước. Những hạn chế về sử dụng khác có thể bao gồm giờ hoạt động, khoảng thời gian có thể dùng máy trạm (phụ thuộc vào tình trạng sẵn có), loại chương trình phần mềm sẵn có trên máy trạm, và khả năng in tài liệu.

Thông tin liên hệ của nhà trường năm học 2022 – 2023

Tên Trường	Trường Windmill Springs
Đường	2880 Aetna Way
Thành phố, Tiểu bang, Mã số Zip	San Jose CA, 95121
Số điện thoại	(408) 363-5600
Hiệu trưởng	Becky Roussin
Địa chỉ Email	becky.roussin@fmsd.org
Trang web của Trường	https://windmillsprings.fmsd.org/
Mã Học khu của Quận (CDS)	43-69450-6105795

Thông tin liên hệ của học khu năm học 2022-23

Tên Học khu	Học Khu Tiểu Học Franklin-McKinley
Số điện thoại	(408) 283-6000
Giám đốc	Juan Cruz
Địa chỉ Email	juan.cruz@fmsd.org
Website Học khu	www.fmsd.org

Tổng quan trường học năm học 2022-23

Thông điệp từ Hiệu trưởng

Windmill Springs, là trường Leader In Me, là một trường trong khu vực lân cận đầu tiên tham gia chương trình hòa nhập kép Vùng Vịnh Việt Nam. Windmill Springs là nơi học tập của học sinh lớp 7 đến lớp 8. Chương trình hòa nhập kép Việt Nam bắt đầu ở Mầm non. Khu vực chúng tôi cũng là một trường học xuất sắc của California. Trường Windmill Springs nằm gần giao lộ của Đường cao tốc Capitol và Đại lộ McLaughlin, đây là một trong 16 trường của Học khu Franklin-McKinley và là một trong ba trường K-8. Sẽ không hề lạ khi một học sinh dành toàn bộ quãng thời gian tiểu học và trung học của mình tại Windmill Springs.

Sứ mệnh của Windmill Springs

Windmill Springs là một cộng đồng an toàn, nơi mọi người được khám phá, tưởng tượng, và phát triển để trở thành những nhà lãnh đạo tài giỏi và có lòng trắc ẩn.

Là trường Lãnh đạo trong tôi (Leader in Me), đội ngũ nhân viên duy trì tiêu chuẩn cao và giúp học sinh tham gia vào chương trình giảng dạy hấp dẫn, lôi cuốn và sôi động. Tại Windmill, chúng tôi dạy 7 thói quen của người thành đạt để giúp học sinh trở thành những người học và nhà lãnh đạo được trang bị tốt. Đối với những học sinh chưa đáp ứng được tiêu chuẩn, nhân viên sẽ can thiệp tập trung, chuyên sâu; đối với những học sinh đã vượt qua tiêu chuẩn, Windmill Springs tăng thêm nhiều thử thách có ý nghĩa. Vào năm 2019, Windmill Springs đã khởi động chương trình Thực hành Song Ngữ Tiếng Việt đầu tiên ở Bắc California với hai lớp mẫu giáo. Mục tiêu của chương trình về phát triển song ngữ, thành tích học tập và thấu hiểu đa văn hóa cho những học sinh nói Tiếng Anh muốn học Tiếng Việt như một ngoại ngữ và những học sinh nói Tiếng Việt đang học Tiếng Anh. Windmill Springs là một ngôi trường giàu văn hóa và là trường năng khiếu về ngôn ngữ, nơi tất cả học sinh là những nhà lãnh đạo và xuất xứ của các em được tôn trọng. Chương trình hiện đang giảng dạy cho học sinh các lớp K-3.-----

Giới thiệu về Trường

Ghi danh học sinh theo cấp lớp năm học 2022 – 2023	
Cấp lớp	Số Học sinh
Mẫu giáo	75
Lớp 1	66
Lớp 2	67
Lớp 3	38
Lớp 4	53
Lớp 5	29
Lớp 6	41
Lớp 7	35
Lớp 8	57
Tổng Ghi danh	461

Ghi danh học sinh theo cấp lớp năm học 2022-23	
Nhóm Học sinh	Phần trăm trong Tổng Ghi danh
Nữ	49.0
Nam	51.0
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người	0.0
Người gốc Châu Á	61.2
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc	0.0
Người Phi Luật Tân	3.0
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La	32.3
Người Hawai hoặc Người Các Đảo	0.0
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng	2.0
Người Da trắng	1.5
Sinh viên nói tiếng anh	52.1
Những đứa con nuôi	0.0
Vô gia cư	0.0
Nhập cư	0.0
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội	63.6
Học sinh khuyết tật	12.8

A. Điều kiện Học tập

Ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Cơ Bản (Ưu Tiên 1):

- Mức độ giáo viên được phân công một cách thích đáng và có đầy đủ bằng cấp chứng nhận trong lĩnh vực môn học và với các học sinh họ đang giảng dạy;
- Học sinh được tiếp cận với các tài liệu giảng dạy theo tiêu chuẩn; và
- Cơ sở vật chất của trường được giữ gìn tốt.

Sự chuẩn bị và phân công giáo viên năm học 2020 – 2021

Ủy quyền/bổ nhiệm	Trường Số	Trường Phần trăm	Học khu Số	Học khu Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Có đầy đủ chứng chỉ (sơ bộ hoặc rõ ràng) đối với việc phân công môn học và học sinh (được bổ nhiệm thích hợp)	22.00	91.67	333.30	79.92	228366.10	83.12
Người có chứng chỉ thực tập được bổ nhiệm thích hợp	0.00	0.00	18.50	4.45	4205.90	1.53
Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	1.00	4.17	35.10	8.43	11216.70	4.08
Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	0.00	0.00	7.30	1.76	12115.80	4.41
Không xác định	1.00	4.17	22.70	5.44	18854.30	6.86
Tổng số vị trí giảng dạy	24.00	100.00	417.00	100.00	274759.10	100.00

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái Tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian. Ngoài ra, bổ nhiệm có nghĩa là một vị trí mà nhà giáo dục được chỉ định dựa trên bối cảnh, môn học và cấp lớp. Ủy quyền bao gồm các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Sự chuẩn bị và phân công giáo viên năm học 2021 – 2022

Ủy quyền/bổ nhiệm	Trường Số	Trường Phần trăm	Học khu Số	Học khu Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Có đầy đủ chứng chỉ (sơ bộ hoặc rõ ràng) đối với việc phân công môn học và học sinh (được bổ nhiệm thích hợp)						
Người có chứng chỉ thực tập được bổ nhiệm thích hợp						
Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (“không hiệu quả” theo ESSA)						
Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)						
Không xác định						
Tổng số vị trí giảng dạy						

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái Tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian. Ngoài ra, bổ nhiệm có nghĩa là một vị trí mà nhà giáo dục được chỉ định dựa trên bối cảnh, môn học và cấp lớp. Ủy quyền bao gồm các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (được xem là “không hiệu quả” theo ESSA)

Ủy quyền/bổ nhiệm	2020-21	2021-22
Giấy phép và Chứng nhận miễn trừ	0.00	
Bổ nhiệm sai	1.00	
Các vị trí còn trống	0.00	
Tổng số giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai	1.00	

Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (được xem là “ngoài lĩnh vực” theo ESSA)

Chỉ báo	2020-21	2021-22
Giáo viên có chứng chỉ được ủy quyền trên Giấy phép hoặc Chứng nhận	0.00	
Tùy chọn phân công nội bộ	0.00	
Tổng số giáo viên ngoài chuyên môn	0.00	

Phân công lớp học năm học 2021 – 2022

Chỉ báo	2020-21	2021-22
Bổ nhiệm sai cho Học sinh học Anh ngữ (tỷ lệ phần trăm của tất cả các lớp có học sinh Anh ngữ do giáo viên không đúng chuyên môn giảng dạy)	9.00	
Không có chứng chỉ, giấy phép hoặc ủy quyền để giảng dạy (tỷ lệ phần trăm của tất cả các lớp do giáo viên không có hồ sơ về giấy phép giảng dạy đứng lớp)	0.00	

Lưu ý: Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo trang web Cập nhật Định nghĩa Vốn chủ sở hữu của Giáo viên tại <https://www.cde.ca.gov/pd/ee/teacherequitydefinitions.asp>

Chất lượng, tình trạng cập nhật, tình trạng sẵn có của sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy khác

Sách giáo khoa và Tài liệu giảng dạy: Ban quản lý Học Khu Frankin-McKinley tại địa phương đã chứng nhận rằng mỗi học sinh trong Học Khu, từ mẫu giáo chuyển tiếp tới lớp tám, đều được cấp sách giáo khoa và/hoặc tài liệu giảng dạy theo đúng tiêu chuẩn trong mỗi lĩnh vực sau: môn đọc/ngoại ngữ, toán học, nghiên cứu khoa học và lịch sử/xã hội. Nội dung sức khỏe được lồng ghép trong chương trình học môn khoa học. Tất cả sự chấp thuận sách giáo khoa của Học Khu đều thuộc phạm vi chấp thuận mới nhất của Hội Đồng Giáo Dục của Tiểu Bang và tuân thủ các quy định trong Bộ Luật Giáo Dục Tiểu Bang California.

Theo Bộ Luật Giáo Dục Tiểu Bang California và Thỏa Thuận Williams, các chỉ thị, quy trình, quá trình giám sát và thực hiện báo cáo của hiệu trưởng và các phòng ban của Học Khu phải đảm bảo rằng tất cả các học sinh được tiếp cận với sách giáo khoa và các tài liệu giảng dạy theo đúng tiêu chuẩn hiện tại.

Để tuân thủ chỉ thị cung cấp cho học sinh những giáo trình mới nhất được tiểu bang phê duyệt trong các lĩnh vực chủ chốt là Môn Đọc/Ngoại Ngữ, Toán Học, Nghiên Cứu Khoa Học và Lịch Sử/Xã Hội (Sức Khỏe được lồng ghép trong chương trình học môn Khoa Học), một cuộc kiểm kê sách giáo khoa đã được thực hiện tại tất cả các trường trước tháng 09 năm 2022. Mỗi hiệu trưởng phải chịu trách nhiệm đảm bảo tất cả học sinh đều được cấp sách giáo khoa và các tài liệu giảng dạy cần thiết. Ngoài ra, số lượng hàng tồn kho được cập nhật cũng được mỗi cơ sở xác nhận cho từng lớp học trong tháng 09 năm 2022. Thêm vào đó, các hiệu trưởng phải chịu trách nhiệm bổ sung các sách giáo khoa cần thiết cho mỗi cấp lớp (TK-8). Tất cả các tài liệu đặt mua và được giao đều trải qua một loạt các thủ tục với Trung Tâm Dịch Vụ của Học Khu. Là một phần của việc giám sát quá trình cung cấp đầy đủ sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy, hàng năm hiệu trưởng nộp báo cáo của toàn trường và từng lớp học cho Sở Chương trình giảng dạy, Hướng dẫn và Đánh giá. Do COVID-19 và chương trình đào tạo từ xa, mỗi trường xác nhận rằng học sinh nhận được sách giáo khoa và tài liệu cũng như máy tính xách tay/máy tính bảng để học từ xa. Mỗi học sinh được cung cấp quyền truy cập trực tuyến vào chương trình giảng dạy và tài liệu giảng dạy ngoài các vật tư và sách giáo khoa bản cứng do mỗi trường cấp phát.

Theo kết quả kiểm kê, Hội đồng Giáo dục Franklin-McKinley chứng nhận rằng tất cả học sinh Mẫu giáo - Lớp 8, đã được cung cấp một bộ tài liệu giảng dạy chính và sách giáo khoa đáp ứng các yêu cầu của Bộ luật Giáo dục California. Một phiên điều trần công khai về sự đầy đủ của các tài liệu nêu trên đồng nhất với các khung chương trình được tiểu bang thông qua đã được tổ chức vào ngày 27 Tháng Chín, 2022. Nghị quyết về Sự Đầy đủ của Tài liệu, theo các quy định của Đạo luật Williams, đã được thông qua tại phiên điều trần công khai vào ngày 27 Tháng Chín, 2022.

Tháng, năm thu thập dữ liệu	Tháng 09 năm 2022
-----------------------------	-------------------

Môn học	Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy/Năm Phê chuẩn	Từ Đợt Phê chuẩn Gần nhất?	Phần trăm Học sinh Không Có Sách Được Chỉ định Riêng
Độc/Ngôn ngữ	Chương trình sáng tạo (TK)/2022 Hành trình: Houghton Mifflin Harcourt Brace (K-5)/2020 Bộ sưu tập: Houghton Mifflin Harcourt Brace (6-8)/2020	Có	0%

Toán	Chương trình sáng tạo (TK)/2022 Tham gia NY Toán học Gr K-5 (Eureka) 2014 Toán Dự bị Đại học Gr 6-8 (CPM) 2014	Có	0%
Khoa học	Khuếch đại (K-6), Thông qua năm 2021 Khoa học khám phá (7-8), Thông qua năm 2020	Có	0%
Lịch sử-Khoa học Xã hội	Khoa học Lịch sử-Xã hội California Pearson Scott Foresman (K-5) thông qua năm 2007; TCI, Inc. (7-8) Thông qua năm 2022	Có	0%
Ngoại ngữ	No foreign Language text (Không có thông tin ngoại ngữ)	Có	0
Giáo dục Sức khỏe	Phòng ngừa Tích cực Plus, Giáo dục Phòng ngừa HIV/STD cho Thanh Thiếu niên California, Chương trình Giảng dạy ở Trường Trung học Cơ sở, Lớp 7, 2016 Phòng ngừa Tích cực Plus, Giáo dục Giới tính Toàn diện, Trên Tiểu học, Lớp 5, 2019	Có	0
Nghệ thuật Hình Ảnh và Trình Diễn	No Visual Arts (Không có thông tin về nghệ thuật hình ảnh)	Có	0%

Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất của Trường và Kế Hoạch Cải Tiến

Khuôn viên chính của Windmill Springs Elementary School được xây dựng vào năm 1984. Trường có 30 phòng học, thư viện, phòng máy tính và tòa nhà hành chính. Điểm trường có hai (2) nhân viên trông coi 8 giờ và một (1) nhân viên trông coi 4 giờ làm nhiệm vụ vệ sinh và khử trùng hàng ngày.

Vào năm 2020, BFMSD Bond Measure R đã được thông qua và tài trợ cho một số cải tiến cơ sở vật chất bao gồm lắp đặt camera an ninh ở tất cả các lối vào và cổng ra vào (2021), hiện đại hóa năm (5) thiết bị di động trong lớp học (2021), bổ sung ba (3) thiết bị di động mới và một (1) nhà vệ sinh dành học sinh (2021) và lắp đặt cấu trúc bóng râm mới và bổ sung bàn ăn dã ngoại ngoài trời cho mục đích học tập ngoài trời (năm 2020).

Các quỹ ESSER đã được dùng để trang bị thêm bàn ăn dã ngoại cho mục đích học tập ngoài trời (2021) và các Trung tâm sức khỏe được chỉ định - bao gồm bổ sung một văn phòng bên trong trung tâm chăm sóc sức khỏe - được thành lập để đảm bảo học sinh được cung cấp các dịch vụ tâm lý và tư vấn cũng như môi trường học đường an toàn, lành mạnh và kết nối (2021).

Năm và tháng của báo cáo FIT gần nhất:

Ngày 11 tháng 7 năm 2022

Hệ Thống Được Kiểm Tra	Tốc độ Tốt	Tốc độ Bình thường	Tốc độ Không Tốt	Công Việc Sửa Chữa Cần Thiết và Hành Động Đã hoặc Dự Định Thực Hiện
Hệ thống: Rò rỉ Ga, Cơ khí/Hệ thống Sưởi, thông gió và điều hòa không khí (HVAC), Cổng rãnh	X			Không có.
Bên trong: Các Bề Mặt Bên trong		X		Y tá - Viên formica mặt bàn bị nứt mẻ (Hoàn thành tháng 4 năm 2023) E1, C4, F5, D1, D5, - Thay gạch ốp trần (Hoàn thành tháng 11 năm 2022)

Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất của Trường và Kế Hoạch Cải Tiến				
				C5 - Ngăn kéo bị hỏng (Hoàn thành tháng 4 năm 2023) D3 - Thảm bị ổ (Hoàn thành tháng 4 năm 2023)
Sạch Sẻ: Sự Sạch Sẻ Tổng Quát, Sự Quấy Phá Của Chuột Bọ/Sâu Mọt	X			Văn phòng 6 - Phòng quá lộn xộn (Hoàn thành tháng 4 năm 2023) [B4, E3, C5, D6] - Các vật phẩm không còn được cất giữ quá cao (Hoàn thành tháng 11 năm 2022)
Điện	X			Nhà vệ sinh nữ - Thiếu nắp điện trên trần (Hoàn thành tháng 4 năm 2023) C5 - Tầm công tắc bị hỏng (Hoàn thành tháng 4 năm 2023) [F5, F4, F1] - Thay nhiều bóng đèn (Hoàn thành tháng 11 năm 2022) F2 - Thay một bảng đèn, nhiều bóng đèn (Hoàn thành tháng 11 năm 2022)
Phòng Vệ Sinh/Vòi Nước Máy: Phòng Vệ Sinh, Bồn Rửa/Vòi Nước Máy	X			Phòng chờ nhân viên - Đã sửa vòi nước bị rò rỉ (Hoàn thành tháng 7 năm 2022)
Bảo vệ: An Toàn Hỏa Hoạn, Vật Liệu Nguy Hiểm	X			Văn phòng 3 - Cấm máy làm mát không khí (Hoàn thành tháng 4 năm 2023) B7, C2 - Giáo viên dùng giấy thủ công che kín các ổ cắm (Hoàn thành tháng 4 năm 2023) D3 - Loại bỏ thuốc trừ sâu (Hoàn thành tháng 12 năm 2022)
Cấu Trúc: Thiệt Hại về Cấu Trúc, Mái Nhà	X			Không có.
Bên Ngoài: Sân Chơi/Sân Trường, Cửa Sổ/Cửa Ra Vào/Cổng/Hàng Rào	X			Không có.

Tỷ lệ cơ sở vật chất tổng thể			
Hoàn hảo	Tốt	Bình thường	Không Tốt
	X		

B. Các Kết Quả Của Học Sinh:

Ưu tiên của Tiểu bang: Ưu tiên của Tiểu bang

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Thành Tích Học Tập của Học Sinh (Ưu Tiên 4):

Các đánh giá của tiểu bang

(tức là, Hệ Thống Thẩm Định Thành Tích Học Tập và Tiến Bộ của Học Sinh tại California [CAASPP], bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cho học sinh trong nhóm giáo dục phổ thông và Thẩm Định Thay Thế của California [CAAs] cho văn chương Anh Ngữ/Độc Viết [ELA] và môn toán được tổ chức từ lớp ba tới lớp tám và lớp mười một. Chỉ các học sinh hội đủ điều kiện có thể tham gia dự thi CAAs. Các mục của CAAs phải phù hợp với các tiêu chuẩn thành tích học tập thay thế, được liên kết với các Tiêu Chuẩn Cốt Lõi Chung của Tiểu Bang [CCSS] cho học sinh bị khuyết tật nhận thức nặng).

Hệ thống CAASPP bao gồm các đánh giá và yêu cầu về sự tham gia của học sinh như sau:

1. **Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn và CAA đối với môn ELA** cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11.
2. **Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn và CAA đối với môn Toán** cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11.
3. **Bài Kiểm Tra Khoa học California (CAST) và CAA đối với môn Khoa học** cho học sinh lớp năm, lớp tám và một lần ở trường trung học (tức lớp 10, 11 hoặc 12).
4. **Sẵn sàng cho Đại học và Nghề nghiệp**
Phần trăm học sinh đã hoàn tất thành công các khóa học đáp ứng các yêu cầu vào Trường Đại Học California (University of California) và Trường Đại Học Tiểu Bang California (California State University), hoặc các khoá kỹ thuật học nghề hoặc chương trình học tập.

Báo cáo SARC trong năm học 2020 – 2021

Trong trường hợp có lựa chọn khả thi nhất, LEA phải thực hiện bài đánh giá tổng kết toàn tiểu bang cho môn ELA và Toán. Trong trường hợp đánh giá tổng kết trên toàn tiểu bang không phải là lựa chọn khả thi nhất cho LEA (hoặc cho một hoặc nhiều cấp lớp trong LEA) do tình hình dịch bệnh, LEA được phép báo cáo kết quả từ một kỳ thi đánh giá khác đáp ứng các tiêu chí do Ủy ban Giáo dục Tiểu bang (SBE) thiết lập vào ngày 16 tháng 3 năm 2021. Các kỳ thi đánh giá phải:

- Phù hợp với Tiêu chuẩn cốt lõi chung của bang California cho môn ELA và Toán;
- Dành cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11; và
- Được quản lý thống nhất trên một cấp lớp, khoảng lớp, trường học hoặc khu học chánh đối với tất cả các học sinh đủ điều kiện.

Tùy chọn

Lưu ý rằng các kỳ thi đánh giá thay thế của bang California (CAA) chỉ có thể được thực hiện trực tiếp tuân theo các yêu cầu về sức khỏe và an toàn. Nếu LEA không thể thực hiện CAA trực tiếp với các hướng dẫn về sức khỏe và an toàn tại địa điểm thi, LEA được phép không thực hiện các bài kiểm tra. Không có tùy chọn đánh giá nào khác cho CAA. Các trường thực hiện bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn cho môn ELA và Toán, các bài đánh giá khác đáp ứng các tiêu chí trong SBE hoặc kết hợp cả hai, và chỉ có thể chọn một trong những tùy chọn sau:

- Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn môn ELA và Toán;
- Các bài đánh giá khác đáp ứng các tiêu chí trong SBE; hoặc
- Kết hợp cả bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn môn ELA và Toán và các bài đánh giá khác.

Phần trăm học sinh đã hoàn tất thành công các khóa học đáp ứng các yêu cầu vào Trường Đại Học California (University of California) và Trường Đại Học Tiểu Bang California (California State University), hoặc các khoá kỹ thuật học nghề hoặc chương trình học tập.

Phần trăm học sinh đạt điểm ở mức Khá hoặc Giỏi trong CAASPP

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP cho môn ELA và Toán của tất cả học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện.

Các ô dữ liệu năm học 2020 – 21 có giá trị N/A vì những dữ liệu này không thể so sánh với dữ liệu năm khác do đại dịch COVID-19 trong suốt năm học 2020 – 21. Trong trường hợp các kỳ thi CAASPP môn ELA và/hoặc Toán không phải là tùy chọn khả thi nhất, LEA được phép thực hiện các kỳ thi đánh giá nội bộ. Dữ liệu năm học 2020 – 21 trong dữ liệu các năm của trường, học khu và tiểu bang không phải không thích hợp để so sánh. Do đó việc so sánh kết quả của năm học 2020 – 21 với các năm học khác là không phù hợp.

Tỷ lệ phần trăm không được tính khi số học sinh đi thi là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Kết quả kỳ thi ELA và môn toán bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thẩm định.

Môn học	Trường 2020-21	Trường 2021-22	Học khu 2020-21	Học khu 2021-22	Tiểu bang 2020-21	Tiểu bang 2021-22
Văn Chương Anh Ngữ/Độc Viết (lớp 3-8 và lớp 11)	Không có thông tin	37	Không có thông tin	41	Không có thông tin	47
Toán (lớp 3-8 và lớp 11)	Không có thông tin	30	Không có thông tin	33	Không có thông tin	33

2021-22 Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong ELA theo Nhóm Học Sinh

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện.

Kết quả kỳ thi ELA bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thẩm định.

Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

CAASPP Nhóm Học sinh	CAASPP Tổng Ghi danh	CAASPP Số Đi thi	CAASPP Phần trăm Đi thi	CAASPP Phần trăm không Đi thi	CAASPP Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	256	252	98.44	1.56	37.30
Nữ	122	119	97.54	2.46	42.02
Nam	134	133	99.25	0.75	33.08
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Châu Á	134	132	98.51	1.49	50.00
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	--	--	--	--	--
Người Phi Luật Tân	11	10	90.91	9.09	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	98	97	98.98	1.02	21.65
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình	0	0	0.00	0.00	0.00
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	--	--	--	--	--
Người Da trắng	--	--	--	--	--
Sinh viên nói tiếng anh	100	97	97.00	3.00	17.53
Những đứa con nuôi	0	0	0.00	0.00	0.00
Vô gia cư	0	0	0.00	0.00	0.00
Quốc phòng	0	0	0.00	0.00	0.00
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	161	158	98.14	1.86	34.81
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	0	0	0.00	0.00	0.00
Học sinh khuyết tật	43	41	95.35	4.65	7.32

Kết quả kỳ thi CAASPP môn Toán theo nhóm học sinh năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP Môn Toán theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện

Kết quả kỳ thi môn toán bao gồm Thăm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thăm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thăm định.

Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

CAASPP Nhóm Học sinh	CAASPP Tổng Ghi danh	CAASPP Số Đi thi	CAASPP Phần trăm Đi thi	CAASPP Phần trăm không Đi thi	CAASPP Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	256	254	99.22	0.78	29.92
Nữ	122	121	99.18	0.82	27.27
Nam	134	133	99.25	0.75	32.33
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Châu Á	134	133	99.25	0.75	44.36
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	--	--	--	--	--
Người Phi Luật Tân	11	10	90.91	9.09	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	98	98	100.00	0.00	12.24
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình	0	0	0.00	0.00	0.00
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	--	--	--	--	--
Người Da trắng	--	--	--	--	--
Sinh viên nói tiếng anh	100	99	99.00	1.00	18.18
Những đứa con nuôi	0	0	0.00	0.00	0.00
Vô gia cư	0	0	0.00	0.00	0.00
Quốc phòng	0	0	0.00	0.00	0.00
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	161	160	99.38	0.62	27.50
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	0	0	0.00	0.00	0.00
Học sinh khuyết tật	43	42	97.67	2.33	2.38

Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Khoa Học cho Tất Cả Các Học Sinh

Bảng này cho biết phần trăm học sinh lớp 5, 8 và học sinh trung học đạt điểm ở mức Khá hoặc Giỏi.

Các ô dữ liệu năm học 2020 – 2021 có giá trị N/T thể hiện rằng trường này không sử dụng kỳ thi CAASPP môn Khoa học để đánh giá học sinh.

Môn học	Trường 2020-21	Trường 2021-22	Học khu 2020-21	Học khu 2021-22	Tiểu bang 2020-21	Tiểu bang 2021-22
Khoa học (lớp 5, lớp 8 và Trung học phổ thông)	NT	24.69	--	22.71	28.5	29.47

Kết quả kỳ thi CAASPP môn Khoa học theo nhóm học sinh năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và học sinh trung học. Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Nhóm Học sinh	Tổng Ghi danh	Số Đi thi	Phần trăm Đi thi	Phần trăm không Đi thi	Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	81	81	100	0	24.69
Nữ	44	44	100	0	25
Nam	37	37	100	0	24.32
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0	0	0	0	0
Người gốc Châu Á	47	47	100	0	34.04
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	0	0	0	0	0
Người Phi Luật Tân	--	--	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	24	24	100	0	12.5
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình	0	0	0	0	0
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	--	--	--	--	--
Người Da trắng	--	--	--	--	--
Sinh viên nói tiếng anh	29	29	100	0	3.45
Những đứa con nuôi	0	0	0	0	0
Vô gia cư	0	0	0	0	0
Quốc phòng	0	0	0	0	0
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	48	48	100	0	20.83
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	14	14	100	0	0

B. Các Kết Quả Của Học Sinh:

Ưu tiên của Tiểu bang: Kết Quả Học Tập Khác của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Kết quả Học Tập Khác của Học Sinh (Ưu Tiên 8): Kết quả học tập của học sinh trong lĩnh vực môn học giáo dục thể chất.

Kết quả kiểm tra thể chất bang California năm học 2021 – 2022					
Bảng này trình bày tỷ lệ phần trăm học sinh tham gia vào từng thành phần trong năm thành phần thể chất của Kết quả kiểm tra thể chất bang California. Do những thay đổi đối với công tác quản lý PFT năm học 2021 – 2022, chỉ cần có kết quả tham gia cho năm lĩnh vực thể chất này. Tỷ lệ phần trăm không được tính toán và hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.					
Cấp lớp	Thành phần 1: Năng lực hiếu khí	Thành phần 2: Sức mạnh thô và sức bền của cơ bụng	Thành phần 3: Chuyển động uốn thân mình về sau, Sức mạnh thô và sức dẻo dai	Thành phần 4: Sức mạnh thô và sức bền của thân trên	Thành phần 5: Sức dẻo dai
Lớp 5	96%	96%	96%	96%	96%
Lớp 7	100%	100%	100%	100%	100%

C. Tham Gia

Ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh (Ưu Tiên 3): Các nỗ lực của học khu nhằm tìm kiếm ý kiến đóng góp từ phía phụ huynh trong việc đưa ra quyết định cho học khu và mỗi địa điểm trường.

Cơ hội tham gia của phụ huynh năm học 2022 – 2023
Phụ huynh, giáo viên và cơ quan hành chính làm việc cùng nhau để hỗ trợ tối đa sự tham gia của phụ huynh tại Windmill Springs. Để thúc đẩy giao tiếp và tham gia giữa tất cả các nhóm phụ huynh, phụ huynh tham gia vào Ủy ban Cố vấn Học sinh Anh ngữ, Ủy ban Cố vấn Học khu, Hội đồng Điểm trường, các nhóm phụ huynh hòa nhập kép, và với tư cách là tiếng nói và đối tác của Windmill Springs. Bản tin của trường bằng tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha và tiếng Việt được gửi về nhà bằng bản cứng, thông qua hội phụ huynh, và được đăng trên trang web của trường hai tháng một lần. Nhà trường làm việc để gửi về nhà tất cả các tờ thông tin bằng tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha và tiếng Việt. Nhà trường cung cấp thông dịch viên bằng tiếng Tây Ban Nha và tiếng Việt cho phụ huynh ở tất cả các cuộc họp khi cần thiết. Chúng tôi có một Liên lạc viên người Việt làm việc trong khuôn viên trường năm ngày một tuần để hỗ trợ cộng đồng người Việt Nam với số lượng ngày càng tăng theo chương trình hòa nhập kép Việt Nam. Phụ huynh tham dự các buổi hội thảo với giáo viên của trẻ vào tháng 11 và Tháng 3. Phụ huynh được khuyến khích tham gia Đêm Tựu trường (Back to School Night), Ngày mở cửa trường học (Open House), các buổi họp phụ huynh và các hoạt động khác của trường. Tiệc nướng BBQ gia đình, đêm chiếu phim, Đón tình nguyện viên, buổi cà phê hàng tháng với Hiệu trưởng và các hoạt động khác thúc đẩy và đánh dấu sự hỗ trợ của phụ huynh và tham gia của cộng đồng. Chúng tôi mời các bậc phụ huynh tham quan lớp học của trẻ và tham gia với tư cách tình nguyện viên cả ở trong lớp học hay một số hoạt động khác quanh trường. Để biết thêm thông tin về cách tham gia, vui lòng liên hệ với Hiệu trưởng Becky Roussin theo số (408) 363-5600 hoặc becky.roussin@fmsd.org

C. Tham Gia

Ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Học Sinh (Ưu Tiên 5):

- Tỷ lệ học sinh trung học phổ thông bỏ học;
- Tỷ lệ tốt nghiệp trung học; và
- Vắng mặt Kéo dài

Tỷ Lệ Bỏ Học và Tỷ Lệ Tốt Nghiệp (Tỷ Lệ Đoàn Hệ Bốn Năm)

Chỉ báo	Trung học 2019-20	Trung học 2020-21	Trung học 2021-22	Học khu 2019-20	Học khu 2020-21	Học khu 2021-22	Tiểu bang 2019-20	Tiểu bang 2020-21	Tiểu bang 2021-22
Tỷ Lệ Bỏ Học								8.9	7.8
Tỷ Lệ Tốt Nghiệp								84.2	87

Tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm học sinh (tỷ lệ theo niên khóa bốn năm) năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm học sinh năm học 2021 – 2022. Để biết thông tin về Tỷ lệ tốt nghiệp theo niên khóa bốn năm đã điều chỉnh (ACGR), vui lòng truy cập trang web Tỷ lệ tốt nghiệp theo niên khóa đã điều chỉnh của CDE tại www.cde.ca.gov/ds/ad/acgrinfo.asp.

Nhóm Học sinh	Số trong niên khóa	Số tốt nghiệp trong niên khóa	Tỷ lệ tốt nghiệp Tỷ Lệ Tốt Nghiệp
Bất kỳ học sinh	0	0	0.0
Nữ	0	0	0.0
Nam	0	0	0.0
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0	0	0.0
Người gốc Châu Á	0	0	0.0
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	0	0	0.0
Người Phi Luật Tân	0	0	0.0
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	0	0	0.0
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình	0	0	0.0
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	0	0	0.0
Người Da trắng	0	0	0.0
Sinh viên nói tiếng anh	0	0	0.0
Những đứa con nuôi	0	0	0.0
Vô gia cư	0	0	0.0
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	0	0	0.0
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho	0	0	0.0
Học sinh khuyết tật	0	0	0.0

Tình trạng vắng mặt thường xuyên theo nhóm học sinh năm học 2021 – 2022

Nhóm Học sinh	Ghi danh tích lũy	Vắng mặt thường xuyên đủ điều kiện ghi danh	Số lần vắng mặt	Tỷ lệ vắng mặt kinh niên
Bất kỳ học sinh	497	483	114	23.6
Nữ	242	236	55	23.3
Nam	255	247	59	23.9
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	1	1	0	0.0
Người gốc Châu Á	299	295	41	13.9
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	3	2	2	100.0
Người Phi Luật Tân	14	14	5	35.7
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	162	155	64	41.3
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình	0	0	0	0.0
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	10	9	2	22.2
Người Da trắng	7	7	0	0.0
Sinh viên nói tiếng anh	257	251	52	20.7
Những đứa con nuôi	0	0	0	0.0
Vô gia cư	0	0	0	0.0
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	321	310	76	24.5
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	0	0	0	0.0
Học sinh khuyết tật	77	72	18	25.0

C. Tham Gia

Ưu tiên của Tiểu bang: Không Khí Nhà Trường

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Không Khí Nhà Trường (Ưu Tiên 6):

- Tỷ lệ học sinh bị đình chỉ;
- Tỷ lệ học sinh bị đuổi học; và
- Các tiêu chuẩn đo lường khác của địa phương về cảm giác an toàn.

Đình Chỉ và Đuổi Học

Bảng này cho biết dữ liệu về việc đình chỉ và buộc thôi học được thu thập từ tháng 7 năm trước đến tháng 2 năm sau, một phần của năm học do đại dịch COVID-19. Các dữ liệu về tỷ lệ bị đình chỉ và buộc thôi học không được so sánh với dữ liệu của các năm khác do năm học 2019 – 20 chỉ diễn ra một phần vì dịch COVID-19. Do đó, việc so sánh tỷ lệ bị đình chỉ và buộc thôi học trong năm học 2019 – 20 với các năm trước là không phù hợp.

Môn học	Trường 2019-20	Học khu 2019-20	Tiểu bang 2019-20
Đình chỉ	0.76	1.04	2.45
Đuổi học	0.00	0.00	0.05

Bảng này cho biết dữ liệu về việc đình chỉ và buộc thôi học được thu thập từ tháng 7 năm trước đến tháng 6 năm sau, tương ứng với một năm học.

Dữ liệu được thu thập trong năm học 2020 – 2021 sẽ không so sánh được với những năm học trước do sự khác biệt trong phương thức học tập để đối phó với đại dịch COVID-19.

Môn học	Trường 2020-21	Trường 2021-22	Học khu 2020-21	Học khu 2021-22	Tiểu bang 2020-21	Tiểu bang 2021-22
Đình chỉ	0.00	1.01	0.00	1.64	0.20	3.17
Đuổi học	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.07

Tình trạng đình chỉ và buộc thôi học theo nhóm học sinh năm học 2021 – 2022

Nhóm Học sinh	Tỷ lệ Học sinh Bị đình chỉ	Tỷ lệ Học sinh Bị đuổi học
Bất kỳ học sinh	1.01	0.00
Nữ	0.41	0.00
Nam	1.57	0.00
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0.00	0.00
Người gốc Châu Á	0.67	0.00
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	0.00	0.00
Người Phi Luật Tân	0.00	0.00
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	1.85	0.00
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình Dương	0.00	0.00
Người mang Hai hoặc Nhiều Chung tộc	0.00	0.00
Người Da trắng	0.00	0.00
Sinh viên nói tiếng anh	0.78	0.00
Những đứa con nuôi	0.00	0.00
Vô gia cư	0.00	0.00
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	1.25	0.00
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho Di Dân	0.00	0.00
Học sinh khuyết tật	3.90	0.00

Kế hoạch đảm bảo an toàn trong trường học năm học 2022 – 2023

Tất cả các trường tại Học Khu Franklin-McKinley đều có chương trình an toàn rất chi tiết, toàn diện để đảm bảo sức khỏe và sự an toàn cho tất cả sinh viên và nhân viên. Chương trình an toàn bao gồm rất nhiều phần được thiết kế để đáp ứng đa dạng các tình huống khẩn cấp có thể phát sinh. Tất cả các trường trong Học Khu Franklin-McKinley đều được diễn tập đối phó với hỏa hoạn, rơi và trú ẩn (động đất) và tấn công. Tất cả các khu vực và các cấp đều có ban quản lý xem xét các quy trình an toàn, sửa chữa vấn đề có thể tồn tại và mở rộng khả năng FMSD để phục vụ tại thời điểm và những nơi cần đến. Ngoài ra, tất cả các phần đều được lên lịch, hoàn thành và đánh giá với kết quả được truyền đạt cho tất cả nhân viên và phụ huynh trên trang web của trường và qua email từ quản trị viên. Kế hoạch Đảm bảo an toàn Trường học được xem xét, cập nhật và thảo luận với các giáo viên của trường vào ngày 8/11/2022, phụ huynh vào ngày 10/11/2022, ELAC vào ngày 8/12/2022, Học sinh vào ngày 9/12/2022, Hội đồng Điểm trường vào ngày 16/11/2022 và được Hội đồng Quản trị phê duyệt hàng năm trước ngày 1 tháng 3.

D. Thông Tin Khác của SARC

Thông tin cần có trong SARC

Thông tin trong mục này phải có trong SARC nhưng không được bao gồm trong các ưu tiên của tiểu bang đối với LCFF.

2019-20 Tiểu Học) Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2019-20. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Mục “Các lớp khác” dành cho lớp đa cấp.

Cấp lớp	Trung Bình Quy mô lớp học	Số lớp có 1-20 học sinh	Số lớp có 21-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Mẫu giáo	24		4	
1	16	2		
2	16	2	1	
3	18	1	1	
4	24		2	
5	20	1		
6	16	2	2	

2020-21 Tiểu Học)Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2020 – 2021. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Mục “Các lớp khác” dành cho lớp đa cấp.

Cấp lớp	Các lớp học với quy mô nhỏ	Số lớp có 1-20 học sinh	Số lớp có 21-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Mẫu giáo	18	2	3	
1	23		3	
2	19	1	1	
3	24		2	
4	18	1	1	
5	17	2	1	
6	19	1		
Khác	7	2		

2021-22 Tiểu Học)Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2021-22. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Mục “Các lớp khác” dành cho lớp đa cấp.

Cấp lớp	Trung Bình Quy mô lớp học	Số lớp có 1-20 học sinh	Số lớp có 21-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Mẫu giáo	19	3	1	
1	22		3	
2	22		3	
3	19	2		
4	18	1	2	
5	10	2	1	
6	14	2	1	
Khác	4	2		

2019-20 Trung Học Cơ Sở Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2019-20. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Trung Bình Trung bình lớp*	Số lớp có 1-22 học sinh	Số lớp có 23-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Văn Chương Anh Ngữ	27		4	
Toán	27		4	
Khoa học	27		4	
Khoa học Xã hội	27		4	

2020-21 Trung Học Cơ Sở Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Sĩ Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2020 – 2021. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Trung Bình Trung bình lớp*	Số lớp có 1-22 học sinh	Số lớp có 23-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Văn Chương Anh Ngữ	30		4	
Toán	30		4	
Khoa học	30		4	
Khoa học Xã hội	30		4	

2021-22 Trung Học Cơ Sở Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Sĩ Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2021-22. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Trung Bình Trung bình lớp*	Số lớp có 1-22 học sinh	Số lớp có 23-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Văn Chương Anh Ngữ	27		3	
Toán	27		3	
Khoa học	27		3	
Khoa học Xã hội	27		3	

Tỷ lệ học sinh cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết tỷ lệ học sinh được phân cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm. Một đơn vị Tương đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian.

Chức vụ	Tỷ lệ
Học sinh cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm	0

Nhân viên hỗ trợ học sinh năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết số lượng nhân viên hỗ trợ FTE được chỉ định cho trường. Một đơn vị Tương đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian.

Chức vụ	Số FTE được chỉ định cho Trường
Cố Vấn (Phát Triển Giao Tiếp/Hành Vi hoặc Nghề Nghiệp)	
Giáo Viên Truyền Thông Thư Viện (Thủ Thư)	
Nhân Viên Dịch Vụ Truyền Thông Thư Viện (Bán Chuyên)	
Nhà Tâm Lý Học	
Nhân viên Xã hội	1.0
Chuyên Gia về Phát Âm/Ngôn Ngữ/Thính Giác	
Chuyên Gia Nguồn Lực (không giảng dạy)	

Chi tiêu cho mỗi học sinh và lương giáo viên năm học 2020 – 2021

Bảng này cho biết chi tiêu cho mỗi học sinh và lương giáo viên trung bình năm học 2020 – 2021 của trường. Không cần điền dữ liệu vào các ô ghi giá trị Không có thông tin.

Loại	Tổng Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh	Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh (Giới Hạn)	Trong Dự Trù Ngân Sách Mỗi Học Sinh (Không Giới Hạn)	Lương Trung bình Của Giáo Viên
Tên trường	\$8,721	\$1,743	\$6,978	\$98,616
Học khu	Không có thông tin	Không có thông tin	\$9,417	\$95,813
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm: Địa	Không có thông tin	Không có thông tin	-29.8	2.9
Tiểu bang	Không có thông tin	Không có thông tin	\$6,594	\$87,271
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm: Địa	Không có thông tin	Không có thông tin	5.7	12.2

Các loại dịch vụ được tài trợ năm học 2021 – 2022

Dưới đây là danh sách các chương trình do Liên Bang và Tiểu Bang tài trợ được cung cấp cho các học sinh tại Học Khu Franklin-McKinley:

- (Title I (Tài trợ Cơ bản)). Chương trình can thiệp có tài trợ, tài liệu giảng dạy bổ sung, các hoạt động phát triển nghề nghiệp và gắn kết phụ huynh.
- Title II (Đào tạo và Tuyển dụng Giáo viên & Hiệu trưởng) tài trợ Giới thiệu và hướng dẫn cho giáo viên mới
- Title III (dành cho Học sinh Hạn chế về Trình độ Tiếng Anh) Hỗ trợ cho các dịch vụ phiên dịch và biên dịch cùng các hoạt động gắn kết phụ huynh dành cho cha mẹ của sinh viên EL.
- Tiêu đề IV (Công nghệ, Tình cảm-xã hội học và các hoạt động giáo dục tốt)
- Chương trình Giáo dục và An toàn Sau Giờ học (ASES)
- Các chương trình theo giờ (giáo dục kéo dài cả ngày/năm)
- Local Control Funding Formula (LCFF) (Công thức Tài trợ Kiểm soát Vùng) Tài trợ các dịch vụ bao gồm tài liệu giảng dạy, tuyển dụng giáo viên, hỗ trợ về học tập và xã hội, dịch vụ bổ sung trường học cho các sinh viên và phát triển nghề nghiệp.
- Chương trình Khởi đầu Thông Minh và Hỗ trợ Mạnh mẽ (Starting Smart and Strong Grant)
- Chương trình Bữa trưa Học đường Quốc gia

Lương giáo viên và nhân viên hành chính năm học 2020 – 2021

Bảng này cho biết mức lương giáo viên và nhân viên hành chính năm học 2020 – 2021. Để biết thông tin chi tiết về mức lương, xem trang Mạng về Lương Bổng & Quyền Lợi Được Xác Nhận của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

Hạng mục	Học khu Học Khu	Mức Trung Bình của Tiểu Bang Dành Cho các Học Khu Trong Cùng Hạng Mục
Lương Khởi Điểm của Giáo Viên	\$55,315	\$52,641
Mức Lương Trung Bình của Giáo Viên	\$95,623	\$83,981
Mức Lương Cao Nhất của Giáo Viên	\$110,795	\$107,522
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trường (Tiểu Học)	\$143,606	\$136,247
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trường (Trung Học Cơ Sở)	\$139,423	\$142,248
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trường (Trung Học)		\$139,199
Mức Lương của Giám Đốc Học Khu	\$242,254	\$242,166
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Giáo Viên	34%	34%
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Nhân Viên Hành Chính	5%	5%

Phát triển Chuyên môn

Các lĩnh vực trọng tâm chính trong việc phát triển nhân viên của chúng tôi tại các trường FMSD là đào tạo để hỗ trợ các mục tiêu của chúng tôi như được nêu trong Kế hoạch Trách nhiệm và Kiểm soát Địa phương (LCAP).

FMSD đã phát triển chuyên môn cho các giáo viên tập trung vào truyền tải kiến thức với việc giáo dục năng lực cảm xúc xã hội và xây dựng đội ngũ giảng viên thông qua hợp tác của giáo viên. Trước khi học sinh trở lại trường học vào tháng 8, tất cả các giáo viên đã tham gia nhiều hội thảo chú trọng vào việc giáo dục năng lực cảm xúc xã hội. Những giáo viên mới đã được tổ chức các buổi hội thảo định hướng về chương trình giảng dạy mà học khu áp dụng và Nhân viên Giáo dục Đặc biệt được đào tạo về việc tạo điều kiện và viết IEP cũng như các yêu cầu đối với quá trình giảng dạy tại chương trình Giáo dục Đặc biệt. Trong suốt mùa thu, các cơ hội phát triển chuyên môn tùy chọn sẽ được cung cấp hàng tháng gồm các chủ đề như Đánh giá bao gồm ESGI, NSGRA, FastBridge, Guided Reading, UDL in Math, E3D, Rosetta Stone, Infinite Campus, Writable và đào tạo cơ bản Orton-Gillingham.

Vào tháng 1 năm 2023, giáo viên đã tham gia các hội thảo phát triển chuyên môn trọn ngày tập trung vào giảng - dạy và hệ thống Viết, Toán và Cấp I. Năm học trước, tất cả nhân viên đã được đào tạo về Xu hướng tiềm ẩn từ các Giải pháp Học tập Hợp tác. Năm nay, 2022-2023, FMSD đã cung cấp khóa đào tạo về Xu hướng tiềm ẩn cho tất cả nhân viên mới và nhân viên không thể tham gia khóa đào tạo vào năm ngoái.

Các Cộng đồng Học tập Chuyên môn tiếp tục tạo điều kiện cho các giáo viên học hỏi lẫn nhau và thảo luận về các kiến thức thực tiễn tốt nhất. Tất cả các trường FMSD đang tham gia triển khai Hệ thống hỗ trợ đa tầng (MTSS) tập trung vào giảng dạy Cấp I và tiếp cận phổ cập. Bốn trường (Dahl, McKinley, Los Arboles và Santee) tiếp tục tham gia vào chương trình Sobrato Foundation SEAL (Ngôn ngữ Học thuật Sớm Sobrato). Các trường này tham gia phát triển chuyên môn và hỗ trợ chương trình giảng dạy để đáp ứng nhu cầu của các nhóm học sinh khác nhau và để hỗ trợ các Học viên Anh ngữ. Các giáo viên đã tham gia các khóa đào tạo không đồng bộ do SEAL cung cấp. Giám hiệu nhà trường và giáo viên Toán tại Bridges và Sylvandale tiếp tục tham gia vào mạng lưới Partners in School Innovation. Các giáo viên Hội nhập song ngữ từ các chương trình DLI tiếng Tây Ban Nha và tiếng Việt của chúng tôi được huấn luyện và phát triển chuyên môn liên tục với ADTLE và Tran Consulting, cũng như với Giáo viên FMSD của chúng tôi về Nhiệm vụ đặc biệt cho DLI.

Cụ thể tại Windmill Springs School, chúng tôi có hai lĩnh vực phát triển chuyên môn. Với tư cách là trường Leader In Me, giáo viên được đào tạo để thực hành tốt hơn và nâng cao thành công của chúng tôi với tư cách là trường Leader In Me. Vào tháng 8, các giáo viên đã được phát triển chuyên môn để hỗ trợ học sinh tạo và duy trì Sổ tay lãnh đạo và thiết lập các WIG cá nhân (các mục tiêu cực kỳ quan trọng). Chúng tôi tiếp tục phát triển chuyên môn này vào tháng 11 và hỗ trợ các bước tiếp theo khi học sinh đặt WIG cá nhân. Ngoài ra, Nhóm Lighthouse, đã nhận được sự phát triển chuyên nghiệp trong việc thiết lập các WIG toàn trường.

Phát triển Chuyên môn

Sự phát triển chuyên môn khác mà giáo viên tại Windmill Springs nhận được là sử dụng Hệ quy chiếu và đi sâu hơn vào việc sử dụng Sơ đồ tư duy để hỗ trợ sự hiểu biết của học sinh. Các giáo viên mới đang được đào tạo về Sơ đồ tư duy.

Bảng này cho biết số ngày đến trường dành riêng cho sự phát triển và tiến bộ không ngừng của nhân viên.

Môn học	2020-21	2021-22	2022-23
Số ngày trong năm học được dành cho việc Phát Triển và Nâng cao Chuyên Môn Thường Xuyên	4	4	4